FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	25,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,726
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,651
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	800
P/E	8.3
EPS	3,093

	YTD	1T	3T	6T
CKD	18.6%	11.4%	16.6%	11.4%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

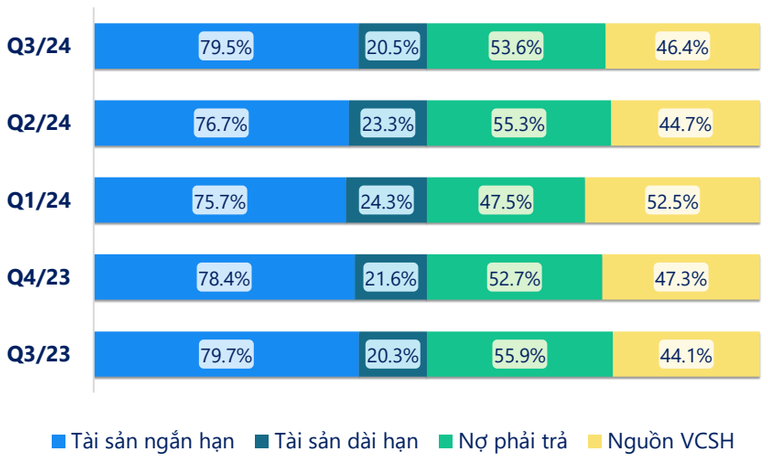

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

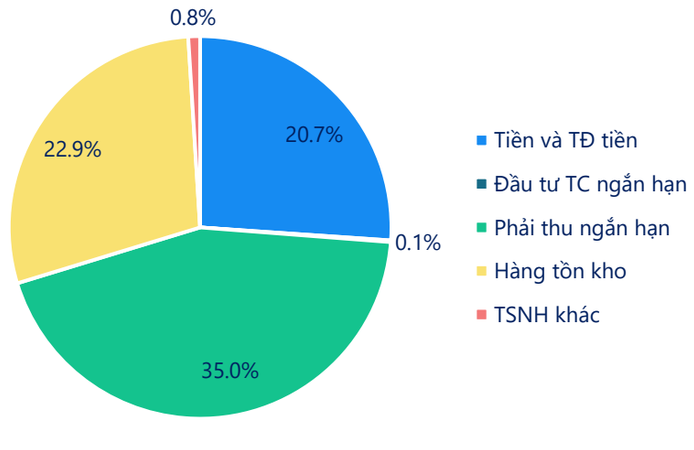

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

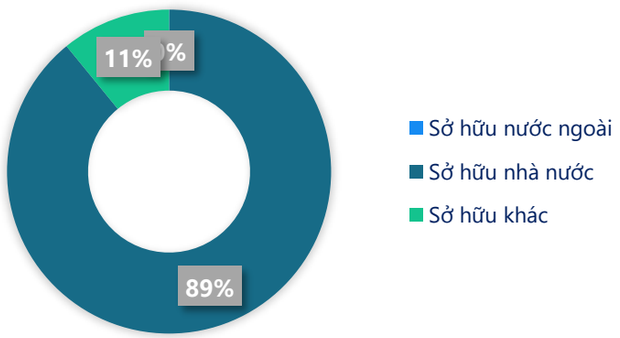

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

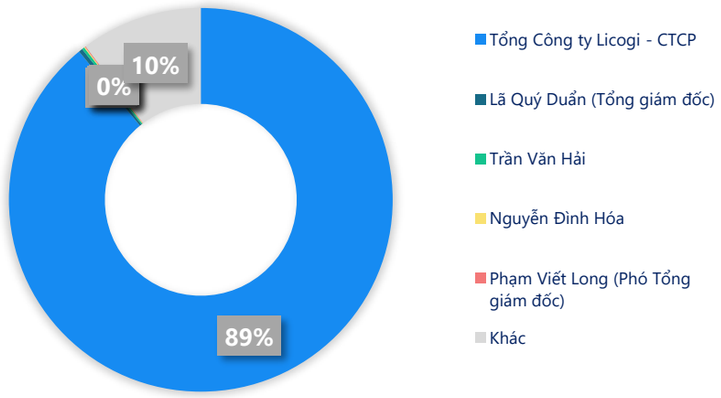

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

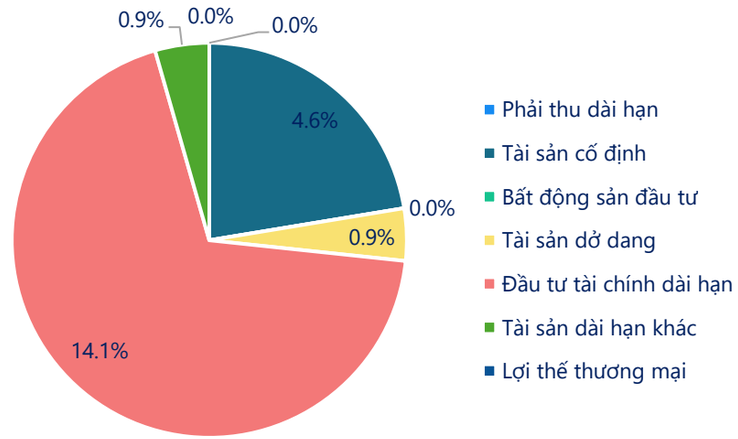

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Tiền và tương đương tiền

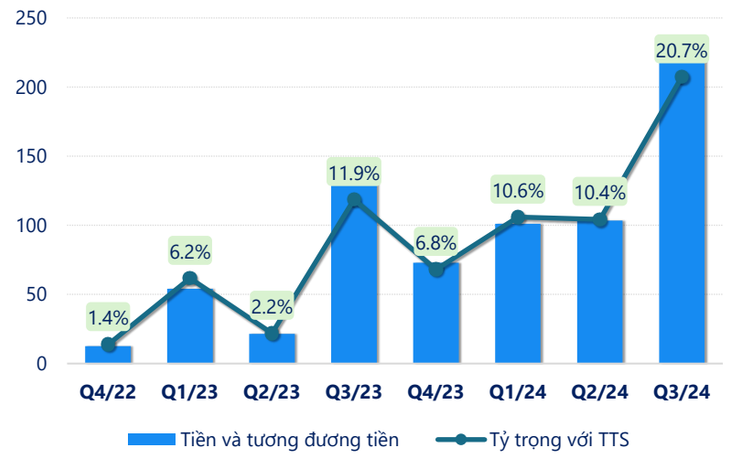

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

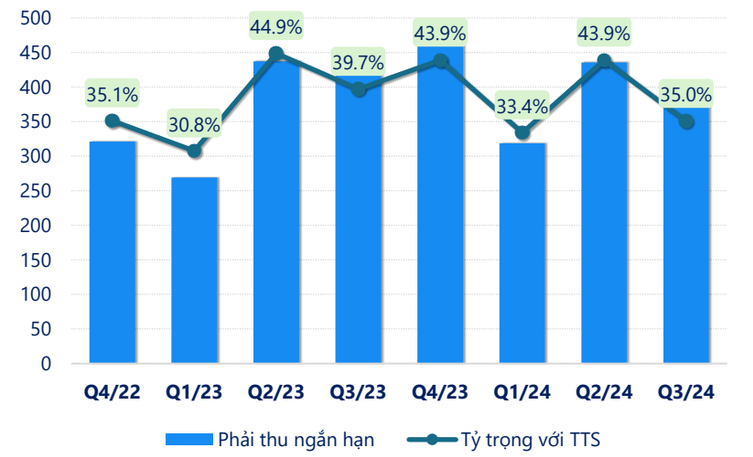

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

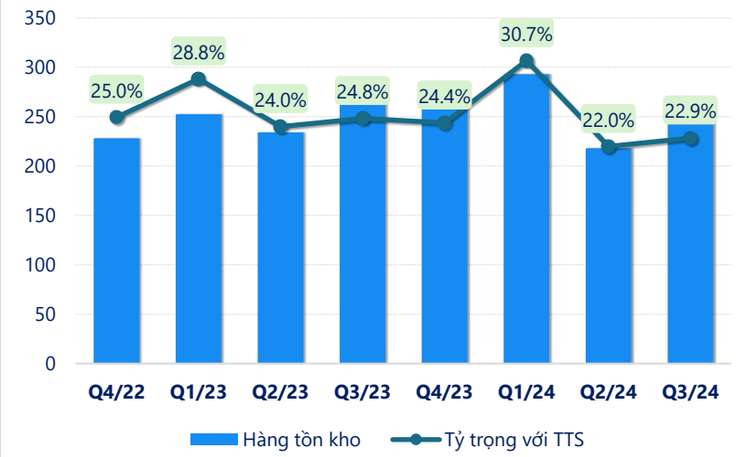

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

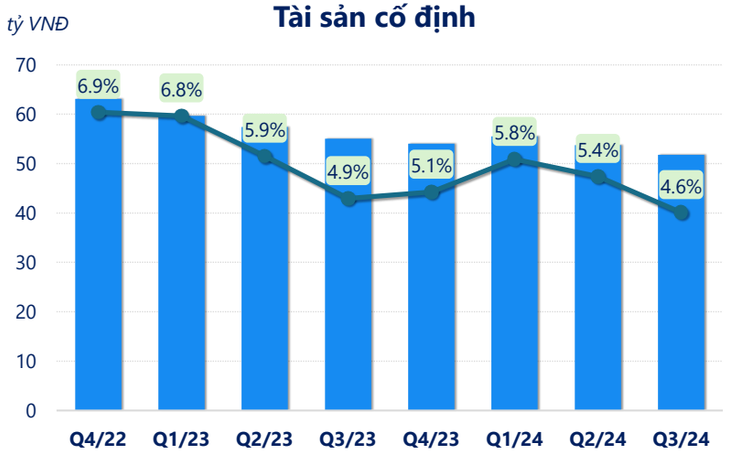

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

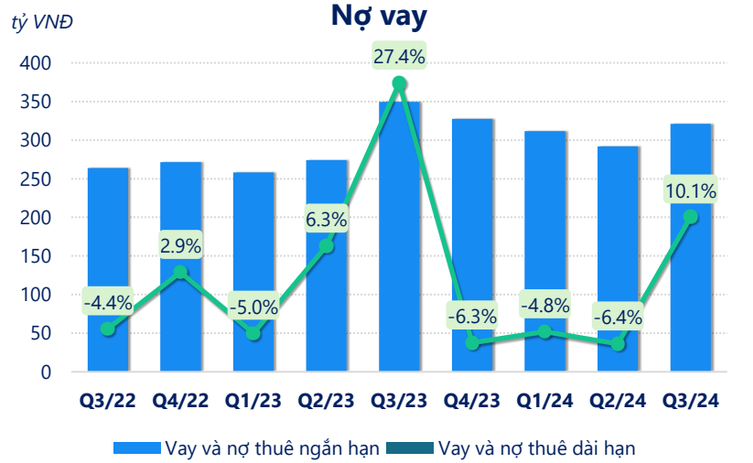

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

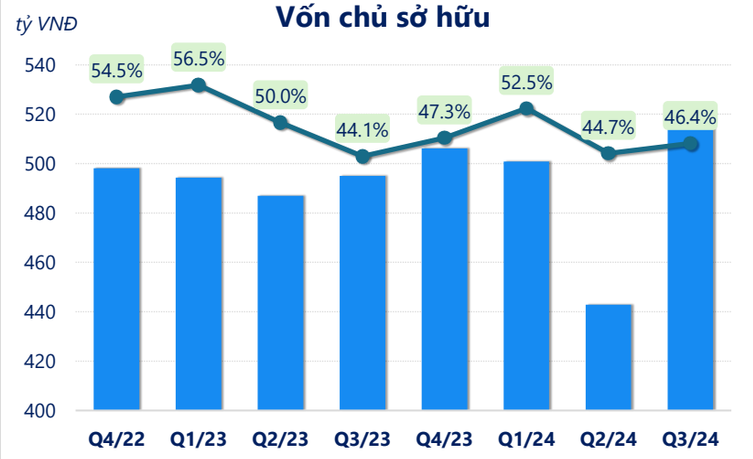

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Kết quả kinh doanh

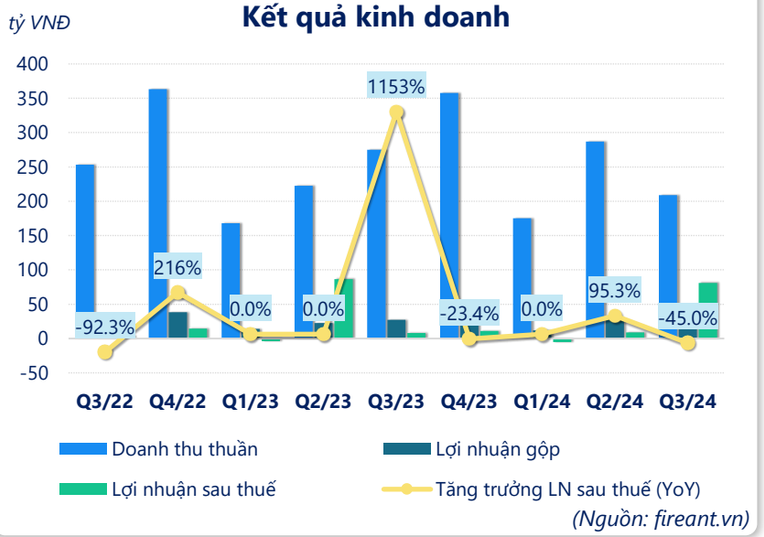

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

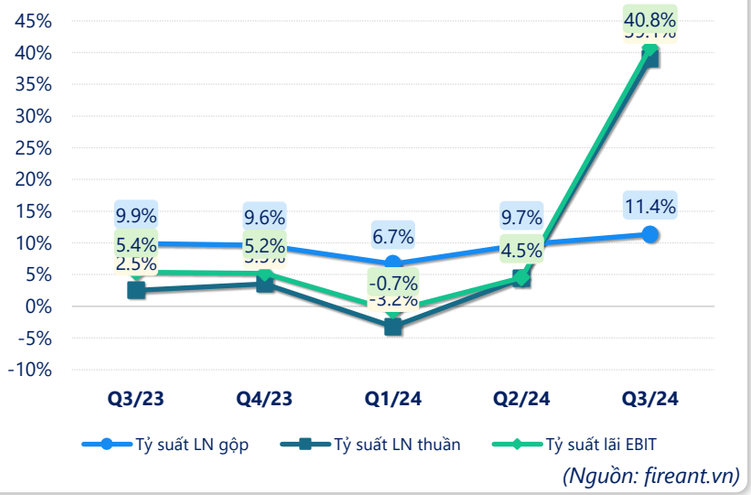

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

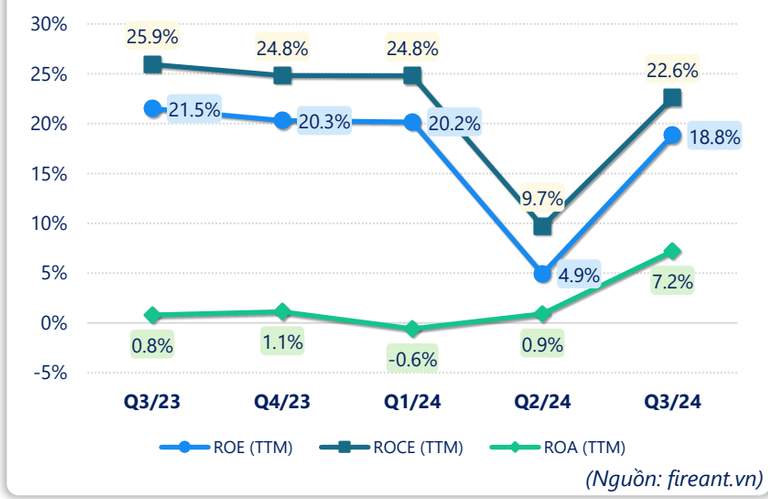

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

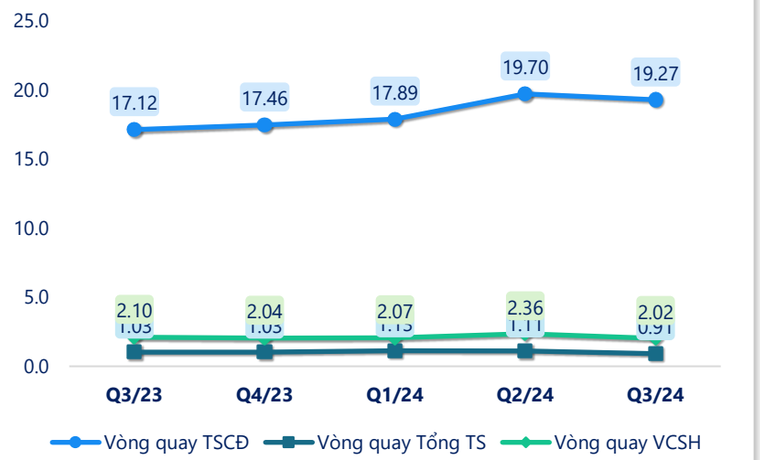

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

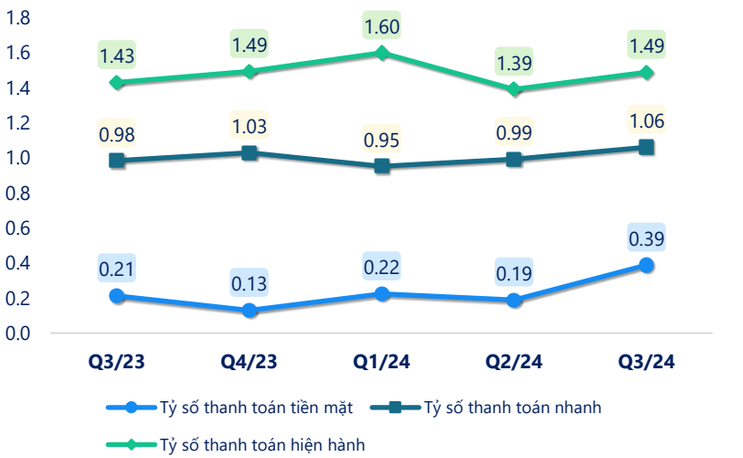

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

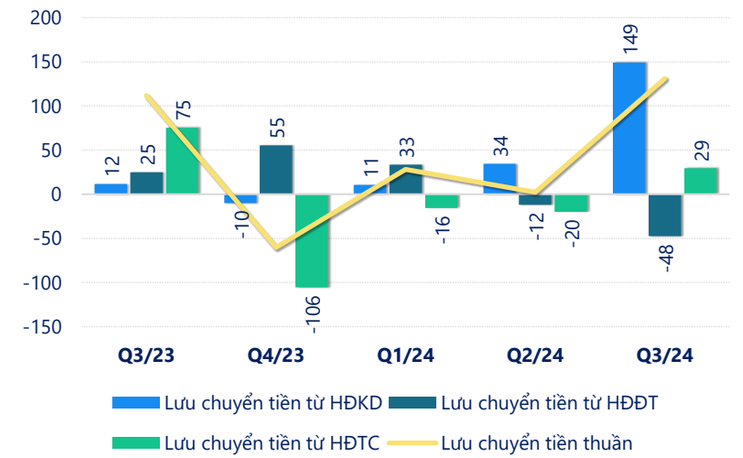

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,130**	**1,070**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	899	839	7.2%
Tiền và tương đương tiền	234	72.9	222%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	31.3	-95.8%
Phải thu ngắn hạn	396	470	-15.7%
Hàng tồn kho	258	261	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.92	4.15	115%
Tài sản dài hạn	**231**	**231**	**0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	51.8	54.1	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.89	8.70	13.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**10.2**	**8.95**	**14.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	606	563	7.6%
Nợ ngắn hạn	**604**	**562**	**7.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	321	327	-1.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	154	-34.1%
Nợ dài hạn	2.20	1.75	25.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**524**	**506**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**524**	**506**	**3.5%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	275	358	175	287	209
Giá vốn hàng bán	248	323	164	259	185
Lợi nhuận gộp	27.3	34.4	11.7	27.9	23.8
Doanh thu HĐTC	3.07	2.46	1.21	1.12	79.4
Chi phí TC	4.70	4.59	4.11	3.05	3.29
Chi phí lãi vay	4.70	4.59	4.11	3.05	2.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.40	8.36	6.75	6.03	10.8
Chi phí QLDN	9.35	11.2	7.68	7.34	7.46
LN thuần từ HĐKD	6.90	12.7	-5.60	12.6	81.6
Lợi nhuận khác	3.26	1.36	0.26	-2.63	0.57
LN trước thuế	10.2	14.0	-5.34	9.95	82.2
Lợi nhuận sau thuế	8.07	11.2	-5.34	8.95	81.1
LNST của CĐ cty mẹ	8.07	11.2	-5.34	8.95	81.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.6	-10.0	10.5	34.3	149
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.9	55.3	33.5	-12.1	-47.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	75.1	-106	-15.7	-19.9	29.4
Tiền đầu kỳ	21.4	133	72.9	101	103
Lưu chuyển tiền thuần	**112**	**-60.2**	**28.2**	**2.33**	**131**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	133	72.9	101	103	234

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic